

**PHỤ LỤC 4A: BẢNG GIÁ ĐẤT NÔNG NGHIỆP TẠI HUYỆN KẾ SÁCH**  
**(Ngoại trừ đất Nông nghiệp theo Quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 3 Quyết định**  
**27/2010/QĐ-UBND ngày 09/11/2010)**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2010/QĐ-UBND, ngày / 12 /2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)*

*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>*

STT	Khu vực, vị trí	Ranh giới, vị trí	Giá đất năm 2011
<b>A. ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM</b>			
<b>I</b>	<b>KV2</b>	<b>Thị trấn Kế sách</b>	
1	VT1	- Phía Đông giáp kênh Phú Tâm, phía Tây giáp kênh Lộ Mới, phía Nam giáp cống Lộ mới, phía Bắc giáp kênh Số 1	45
		- Phía Đông giáp kênh lộ mới. Phía Tây giáp rạch Bung Tiết. Phía Nam giáp kênh Chín An Định, kênh bà Lèo. Phía Bắc giáp kênh Số 1	45
2	VT2	- Phía Đông giáp Rạch Cà Dâm. Phía Tây giáp Rạch Bung Túc. Phía Nam giáp kinh số 1. Phía Bắc giáp Kinh Cầu Trắng, xã Thới An Hội.	40
		- Phía Đông giáp kênh Lộ Mới, Kênh Phú Tâm. Phía Tây giáp kênh Nôi, kênh Tập đoàn 1, kênh Lò Rèn. Phía Nam giáp rạch Na Tung. Phía Bắc giáp kênh Chín An Định	40
		Phía Đông giáp kênh Bờ Bao, kênh Lâm Cal, kênh Đội 3, kênh Đường Cung. Phía Tây giáp rạch Bung Tiết, phía Nam giáp rạch Na Tung. Bắc: Giáp kênh bà Lèo.	40
3	VT3	Phía Đông giáp kênh Trại Cá Giồng, phía Tây giáp kênh Phú Tâm, phía Nam giáp rạch An Nghiệp, phía Bắc giáp kênh số 1	35
		Phía Đông giáp kênh Nôi, phía Tây giáp rạch Bờ Bao, phía Nam giáp rạch Na Tung, phía Bắc giáp kênh Chín An Định	35
<b>II</b>	<b>KV3</b>	<b>Xã Kế Thành</b>	
1	VT1	Phía Đông giáp Rạch Bung Túc, phía Tây giáp Rạch Hai Giáp, phía Nam giáp sông Kinh Giữa, phía Bắc giáp kênh 9 Quang, Kinh Rạch Bàn	40
		Phía Đông giáp Rạch Ba Lãng, phía Tây giáp Rạch Cầu Chùa, phía Nam giáp Rạch Bờ Đê, phía Bắc giáp sông Kinh Giữa	40
2	VT2	Phía Đông giáp Thị Trấn Kế Sách, phía Tây giáp xã Kế An, Nam giáp xã Phú Tâm, phía Bắc giáp Rạch Bờ Đê.	35
		Phía Đông giáp ranh xã Thới An Hội, phía Tây giáp ranh xã Kế An, phía Nam giáp Kênh 9 Quang, phía Bắc giáp ranh xã Trinh Phú	35
<b>III</b>	<b>KV3</b>	<b>Xã Kế An</b>	

1	VT1	Đất trồng cây hàng năm trên địa bàn xã	40
<b>IV</b>	<b>KV3</b>	<b>Xã Trinh Phú</b>	
1	VT1	Đất trồng cây hàng năm trên địa bàn xã	40
<b>V</b>	<b>KV3</b>	<b>Xã An Lạc Thôn</b>	
1	VT1	Đất trồng cây hàng năm trên địa bàn xã	40
<b>VI</b>	<b>KV3</b>	<b>Xã An Mỹ</b>	
1	VT2	Phía Đông giáp ranh huyện Long Phú. Phía Tây giáp rạch Phụng An. Phía Bắc giáp xã Song Phụng. Phía Nam giáp rạch Phụng An.	35
		Phía Đông giáp rạch Phụng An. Phía Tây giáp kênh Trại giống. Phía Nam giáp rạch An Nghiệp. Phía Bắc giáp kênh Số 1.	35
2	VT3	Phía Đông giáp rạch Phụng An. Phía Tây giáp Kinh Phú Tâm. Phía Nam giáp kênh rạch Cả Bả, huyện Châu Thành, huyện Long Phú. Phía Bắc giáp rạch An Nghiệp, thị trấn Kế Sách.	30
<b>VII</b>	<b>KV3</b>	<b>Xã Đại Hải</b>	
1	VT2	Phía Đông giáp xã Kế An, kênh Bầy Xê, kênh 25, kênh Năm Tời, kênh Hai Năm, kênh Cống 1. Phía Tây giáp kênh ranh Thị xã Ngã Bảy, kênh Sóc Trăng, kênh Tây. Phía Nam giáp xã Hồ Đắc Kiện. Phía Bắc giáp sông Số 1.	35
		Phía Đông giáp xã Kế An. Phía Tây giáp tỉnh Hậu Giang. Phía Nam giáp kênh số 1. Phía Bắc giáp kênh Ba Hoàng, xã Ba Trinh.	35
2	VT3	Phía Đông giáp xã Kế An, phía Tây giáp xã Ba Trinh, phía Nam giáp kênh Ba Hoàng, phía Bắc giáp xã Ba Trinh.	30
		Phía Đông giáp kênh Mô Neo, xã Kế An, phía Tây giáp kênh Năm Tời, kênh Hai Năm, kênh Cống 1. Phía Nam Giáp huyện Châu Thành. Phía Bắc giáp kênh số 25, kênh 7 Xê.	30
		Phía Đông giáp kênh Tây. Phía Tây giáp tỉnh Hậu Giang. Phía Nam giáp huyện Châu Thành. Phía Bắc Giáp kênh Sóc Trăng.	30
<b>VIII</b>	<b>KV3</b>	<b>Xã Ba Trinh</b>	
1	VT2	Phía Đông giáp kênh Hai Thủy, Sáu Cụt, Sáu Phước, Hai Thanh, Hai Niềm, Năm Quảng, Phong Thọ. Phía Tây giáp kênh Cái Côn. Phía Nam giáp sông Rạch Vọp. Phía Bắc giáp kênh Cái Trâm, đập Hà Văn Tèo, ranh xã Xuân Hòa.	35
		Phía Đông giáp Kênh Thôn Cự, xã Trinh Phú. Phía Tây giáp xã Đại Hải. Phía Nam giáp kênh Thủy Lợi, Kênh hai Nghĩa. Phía Bắc giáp sông Rạch Vọp.	35

		Phía Đông giáp rạch Thành Văn Buôi. Phía Tây giáp rạch đường Trâu. Phía Bắc giáp kênh ranh ấp 8 - ấp 12. Phía Nam giáp sông Rạch Vọp.	35
2	VT3	Phía Đông giáp kênh Tiêu, xã Xuân Hòa. Phía Tây giáp đập Hà Văn Tèo. Phía Nam giáp kênh Cái Trâm. Phía Bắc giáp ranh xã Xuân Hòa	30
		Phía Đông giáp sông Cái Côn. Phía Tây giáp tỉnh Hậu Giang. Phía Nam giáp xã Đại Hải, tỉnh Hậu Giang. Phía Bắc giáp xã Xuân Hòa.	30
		Phía Đông giáp kênh Đường Trâu. Phía Tây giáp kênh Hai Thủy, Sáu Phước, Sáu Cụt. Phía Nam giáp kênh Rạch Vọp. Phía Bắc giáp kênh Hai Thanh.	30
		Phía Đông giáp kênh Phong Thọ, xã Trinh Phú. Phía Tây giáp rạch Đường Trâu, rạch Thành Văn Buôi. Phía Nam giáp sông Rạch Vọp. Phía Bắc giáp kênh Hai Niêm, kênh Năm Quảng.	30
		Phía Đông giáp Kênh Thông Cư. Phía Tây giáp kênh Miêu. Phía Nam giáp xã Đại Hải, xã Kế An. Phía Bắc giáp kênh Hai Nghĩa, kênh Thủy Lợi	30
<b>IX</b>	<b>KV3</b>	<b>Xã An Lạc Tây</b>	
1	VT1	Đất trồng cây hàng năm trên địa bàn xã	40
<b>X</b>	<b>KV3</b>	<b>Xã Thới An Hội</b>	
1	VT2	Phía Đông giáp kênh Thị Hồ, xã An Lạc Tây. Phía Tây giáp rạch Sóc Tổng, xã Trinh Phú. Phía Nam giáp rạch Đại An, rạch Xóm Đồng. Phía Bắc giáp sông Rạch Vọp.	35
2	VT3	Phía Đông giáp rạch Mỹ Hội, phía Tây giáp rạch Bung Túc. Phía Nam kênh Cầu Trắng, thị trấn Kế Sách. Phía Bắc giáp rạch Đại An, rạch Xóm Đồng, rạch Sóc Tổng, xã Trinh Phú.	30
<b>XI</b>	<b>KV3</b>	<b>Xã Nhơn Mỹ</b>	
1	VT1	Đất trồng cây hàng năm trên địa bàn xã	40
<b>B. ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM</b>			
<b>I</b>	<b>KV2</b>	<b>Thị Trấn Kế sách</b>	
1	VT2	Phía Đông giáp kênh Phú Tâm, phía Tây giáp kênh Lộ Mới, phía Nam giáp công Lộ mới, phía Bắc giáp kênh Số 1	50
		Phía Đông giáp kênh lộ mới. Phía Tây giáp rạch Bung Tiết. Phía Nam giáp kênh Chín An Định, kênh bà Lèo. Phía Bắc giáp kênh Số 1	50
2	VT3	Phía Đông giáp Rạch Cà Dâm. Phía Tây giáp Rạch Bung Túc. Phía Nam giáp kinh số 1. Phía Bắc giáp Kinh Cầu Trắng, xã Thới An Hội.	45

		Phía Đông giáp kênh Lộ Mới, Kênh Phú Tâm. Phía Tây giáp kênh Nôi, kênh Tập đoàn 1, kênh Lò Rèn. Phía Nam giáp rạch Na Tung. Phía Bắc giáp kênh Chín An Định	45
		Phía Đông giáp kênh Bờ Bao, kênh Lâm Cal, kênh Đội 3, kênh Đường Cung. Phía Tây giáp rạch Bung Tiết, phía Nam giáp rạch Na Tung. Bắc: Giáp kênh bà Lèo.	45
1.3	VT4	Phía Đông giáp kênh Trại Cá Giồng, phía Tây giáp kênh Phú Tâm, phía Nam giáp rạch An Nghiệp, phía Bắc giáp kênh số 1	40
		Phía Đông giáp kênh Nôi, phía Tây giáp rạch Bờ Bao, phía Nam giáp rạch Na Tung, phía Bắc giáp kênh Chín An Định	40
<b>II</b>	<b>KV3</b>	<b>Xã Kế Thành</b>	
1	VT3	Phía Đông giáp Rạch Bung Túc, phía Tây giáp Rạch Hai Giáp, phía Nam giáp sông Kinh Giữa, phía Bắc giáp kênh 9 Quang, Kinh Rạch Bần	40
		Phía Đông giáp Rạch Ba Lãng, thị trấn Kế Sách. Phía Tây giáp Rạch Cầu Chùa, xã Kế An. Phía Nam giáp Rạch Bờ Đê, phía Bắc giáp sông Kinh Giữa	40
2	VT4	Phía Đông giáp Rạch Ba Lãng, Thị Trấn Kế Sách. Phía Tây giáp rạch Cầu Chùa, xã Kế An. Phía Nam giáp xã Phú Tâm, phía Bắc giáp Rạch Bờ Đê.	35
		Phía Đông giáp xã Thới An Hội. phía Tây giáp xã Kế An. phía Nam giáp Kênh 9 Quang. phía Bắc giáp ranh xã Trinh Phú	35
<b>III</b>	<b>KV3</b>	<b>Xã Kế An</b>	
1	VT2	Đất cây lâu năm trên địa bàn xã	45
<b>IV</b>	<b>KV3</b>	<b>Xã Trinh Phú</b>	
1	VT1	Phía Đông giáp xã An Lạc Tây. Phía Tây giáp kênh Tư Liễu, rạch ThaLa. Phía Nam giáp sông Rạch Vọp, xã Thới An Hội. Phía Bắc giáp kênh Cái Trâm, xã An Lạc Thôn.	50
2	VT2	Phía Đông giáp kênh Tư Liễu, rạch ThaLa. Phía Tây giáp rạch Ngã Cũ, kênh Thông Cự. Phía Nam giáp xã Kế An. Phía Bắc giáp kênh Cái Trâm, xã An Lạc Thôn.	45
3	VT3	Phía Đông giáp rạch Ngã Cũ. Phía Tây giáp rạch Phong Thọ, xã Ba Trinh, phía Nam giáp kênh kênh Đào ấp 12. Phía Bắc giáp kênh Cái Trâm, xã Xuân Hoà	40
<b>V</b>	<b>KV3</b>	<b>Xã Xuân Hoà</b>	

1	VT1	Phía Đông giáp rạch Mương Khai, Bờ Dọc. Phía Tây giáp tỉnh Hậu Giang. Phía Nam giáp Ngã tư trên, rạch Giồng Đá. Phía Bắc giáp xã Phú Hữu (huyện Châu Thành) và xã An Lạc Thôn	50
		Phía Đông giáp rạch Giồng Đá, Rạch Năm Riêng, rạch Mười Trọng, rạch Sao sáo, kênh Năm Lò đường, kênh thủy lợi. Phía Tây giáp kênh Cái Côn. Phía Nam giáp xã Ba Trinh. Phía Bắc giáp rạch Giồng Đá.	50
2	VT2	Phía Đông giáp xã An Lạc Thôn, rạch Hào Bá. Phía Tây giáp rạch Mương Khai, Giồng Đá, Rạch Năm Riêng, rạch Mười Trọng. Phía Nam giáp kênh thủy lợi, rạch Cái Cao. Phía Bắc giáp xã An Lạc Thôn.	45
3	VT3	Vị trí còn lại	40
<b>VI</b>	<b>KV3</b>	<b>Xã An Lạc Thôn</b>	
1	VT1	Đông: Giáp sông Hậu. Tây: Giáp xã Xuân Hòa. Nam: Giáp rạch Mương Khai. Bắc: Giáp cầu Rạch Bàn (Tỉnh lộ 932B)	50
		Đông: Giáp sông Hậu. Tây: Giáp xã Xuân Hòa. Nam: Giáp rạch Cái Cao. Bắc: Giáp rạch Mương Khai	50
		Đông: Giáp sông Hậu. Tây: Giáp kênh Giữa, cầu Ba Trường, rạch Cái Cao. Nam: Giáp rạch Cái Trâm. Bắc: Giáp rạch Cái Cao	50
		Đông: Giáp sông Hậu. Tây: Giáp kênh 5 Chấm. Nam: Giáp rạch Phèn Đen. Bắc: Giáp rạch Cái Trâm	50
		Đông: Giáp kênh Giữa. Tây: Giáp kênh Mương Lộ. Nam: Giáp rạch Cái Trâm. Bắc: Giáp kênh giữa, cầu Ba Trường	50
		Đông: Giáp rạch 5 Chấm. Tây: Giáp kênh Mương Lộ. Nam: Giáp kênh Thủy Lợi (Phèn Đen). Bắc: Giáp rạch Cái Trâm	50
2	VT2	Vị trí còn lại	45
<b>VII</b>	<b>KV3</b>	<b>Xã Phong Năm</b>	
1	VT1	Toàn bộ diện tích đất trồng cây lâu năm trong xã	50
<b>VIII</b>	<b>KV3</b>	<b>Xã An Mỹ</b>	
1	VT3	Phía Đông giáp ranh huyện Long Phú. Phía Tây giáp rạch Phụng An. Phía Bắc giáp xã Song Phụng. Phía Nam giáp rạch Phụng An.	40
		Phía Đông giáp rạch Phụng An. Phía Tây giáp kênh Trại giống. Phía Nam giáp rạch An Nghiệp. Phía Bắc giáp kênh Số 1.	40
2	VT4	Phía Đông giáp rạch Phụng An. Phía Tây giáp Kinh Phú Tâm. Phía Nam giáp kênh rạch Cả Bá, huyện Châu Thành, huyện Long Phú. Phía Bắc giáp rạch An Nghiệp, thị trấn Kế Sách.	35

<b>IX</b>	<b>KV3</b>	<b>Xã Đại Hải</b>	
1	VT3	Phía Đông giáp xã Kế An, kênh Bảy Xê, kênh 25, kênh Năm Tời, kênh Hai Năm, kênh Cống 1. Phía Tây giáp kênh ranh Thị xã Ngã Bảy, kênh Sóc Trăng, kênh Tây. Phía Nam giáp xã Hồ Đắc Kiện. Phía Bắc giáp sông Số 1.	40
		Phía Đông giáp xã Kế An. Phía Tây giáp tỉnh Hậu Giang. Phía Nam giáp kênh số 1. Phía Bắc giáp kênh Ba Hoàng, xã Ba Trinh.	40
2	VT4	Phía Đông giáp xã Kế An. Phía Tây giáp xã Ba Trinh. Phía Nam giáp kênh Ba Hoàng. Phía Bắc giáp xã Ba Trinh.	35
		Phía Đông giáp kênh Mô Neo, xã Kế An. Phía Tây giáp kênh Năm Tời, kênh Hai Năm, kênh Cống 1. Phía Nam Giáp huyện Châu Thành. Phía Bắc giáp kênh số 25, kênh 7 Xê.	35
		Phía Đông giáp kênh Tây. Phía Tây giáp tỉnh Hậu Giang. Phía Nam giáp huyện Châu Thành. Phía Bắc Giáp kênh Sóc Trăng.	35
<b>X</b>	<b>KV3</b>	<b>Xã Ba Trinh</b>	
1	VT2	Phía Đông giáp kênh Hai Thủy, Sáu Cụt, Sáu Phước, Hai Thanh, Hai Niêm, Năm Quảng, Phong Thọ. Phía Tây giáp kênh Cái Côn. Phía Nam giáp sông Rạch Vọp. Phía Bắc giáp kênh Cái Trâm, đập Hà Văn Tèo, ranh xã Xuân Hòa.	45
		Phía Đông giáp Kênh Thôn Cư, xã Trinh Phú. Phía Tây giáp xã Đại Hải. Phía Nam giáp kênh Thủy Lợi, Kênh hai Nghĩa. Phía Bắc giáp sông Rạch Vọp.	45
		Phía Đông giáp rạch Thành Văn Buól. Phía Tây giáp rạch đường Trâu. Phía Bắc giáp kênh ranh ấp 8 - ấp 12. Phía Nam giáp sông Rạch Vọp.	45
2	VT3	Phía Đông giáp kênh Tiểu, xã Xuân Hòa. Phía Tây giáp đập Hà Văn Tèo. Phía Nam giáp kênh Cái Trâm. Phía Bắc giáp ranh xã Xuân Hòa	40
		Phía Đông giáp sông Cái Côn. Phía Tây giáp tỉnh Hậu Giang. Phía Nam giáp xã Đại Hải, tỉnh Hậu Giang. Phía Bắc giáp xã Xuân Hòa.	40
		Phía Đông giáp kênh Đường Trâu. Phía Tây giáp kênh Hai Thủy, Sáu Phước, Sáu Cụt. Phía Nam giáp kênh Rạch Vọp. Phía Bắc giáp kênh Hai Thanh.	40
		Phía Đông giáp kênh Phong Thọ, xã Trinh Phú. Phía Tây giáp rạch Đường Trâu, rạch Thành Văn Buól. Phía Nam giáp sông Rạch Vọp. Phía Bắc giáp kênh Hai Niêm, kênh Năm Quảng.	40
		Phía Đông giáp Kênh Thông Cư. Phía Tây giáp kênh Miêu. Phía Nam giáp xã Đại Hải, xã Kế An. Phía Bắc giáp kênh Hai Nghĩa, kênh Thủy Lợi	40

<b>XI</b>	<b>KV3</b>	<b>Xã An Lạc Tây</b>	
1	VT1	Đất cây lâu năm trên địa bàn xã	50
<b>XII</b>	<b>KV3</b>	<b>Xã Thới An Hội</b>	
1	VT2	Phía Đông giáp kênh Thị Hồ, xã An Lạc Tây. Phía Tây giáp rạch Sóc Tông, xã Trinh Phú. Phía Nam giáp rạch Đại An, rạch Xóm Đồng. Phía Bắc giáp sông Rạch Vọp	45
2	VT3	Phía Đông giáp rạch Mỹ Hội, phía Tây giáp rạch Bung Túc. Phía Nam kênh Cầu Trắng, thị trấn Kế Sách. Phía Bắc giáp rạch Đại An, rạch Xóm Đồng, rạch Sóc Tông, xã Trinh Phú	40
<b>XIII</b>	<b>KV3</b>	<b>Xã Nhơn Mỹ</b>	
1	VT1	Phía Đông giáp sông Hậu, phía Tây giáp rạch Tiểu La Thành, rạch Mương Khai, kênh Khả. Phía Nam giáp rạch Mọp, phía Bắc giáp kênh Giữa	50
		Phía Đông giáp sông Hậu, phía Tây giáp sông Hậu, phía Nam giáp xã Song Phụng, phía Bắc giáp Xã An Lạc Tây	50
2	VT1	Phía Đông giáp Sông Hậu, rạch Trà Ếch, kênh Giữa, rạch Cây Đông, rạch Mương Siêu. Phía Tây giáp rạch Mỹ Hội, kênh Tắc. Phía Nam giáp kênh số 1. Phía Bắc giáp rạch Chùa Giá, rạch Trà Ếch.	50
3	VT2	Phía Đông giáp rạch Đồng Phèn, kênh Tắc. Phía Tây giáp rạch Nhơn Mỹ. Phía Nam giáp kênh Số Một. Phía Bắc giáp rạch Nhơn Mỹ, xã Thới An Hội.	45
		Phía Đông giáp Kênh Khả, kênh Tiểu La Thành. Phía Tây giáp rạch Mương Siêu, rạch Cây Đông. Phía Nam giáp kênh Số Một. Phía Bắc kênh Giữa.	45
<b>C. ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN</b>			
<b>I</b>	<b>KV3</b>	<b>Xã An Lạc Tây</b>	
1	VT1	Đất nuôi trồng thủy sản trên địa bàn xã	50
<b>II</b>	<b>KV3</b>	<b>Xã Phong Năm</b>	
1	VT1	Toàn bộ diện tích đất nuôi trồng thủy sản trong xã	50
<b>III</b>	<b>KV3</b>	<b>Xã Nhơn Mỹ</b>	
1	VT1	Toàn bộ diện tích đất nuôi trồng thủy sản trong xã	50



**2/ Đất trồng cây lâu năm:**

STT	Khu vực, vị trí	Ranh giới, vị trí	Giá đất tại QĐ 47/2009	Giá đất điều tra năm 2010	Giá đất đề xuất năm 2011	Mức tăng, giảm (%)
<b>1</b>	<b>KV2</b>	<b>Thị Trấn Kế sách</b>				
1.1	VT1	Phía Đông giáp kênh Phú Tâm, phía Tây giáp kênh Lộ Mới, phía Nam giáp cống Lộ mới, phía Bắc giáp kênh Số 1	50	63	50	0.00
		Phía Đông giáp kênh lộ mới. Phía Tây giáp rạch Bung Tiết. Phía Nam giáp kênh Chín An Định, kênh bà Lèo. Phía Bắc giáp kênh Số 1	50	63	50	0.00
1.2	VT2	Phía Đông giáp Rạch Cà Dâm. Phía Tây giáp Rạch Bung Túc. Phía Nam giáp kinh số 1. Phía Bắc giáp Kinh Cầu Trắng, xã Thới An Hội.	45	53	45	0.00
		Phía Đông giáp kênh Lộ Mới, Kênh Phú Tâm. Phía Tây giáp kênh Nôi, kênh Tập đoàn 1, kênh Lò Rèn. Phía Nam giáp rạch Na Tung. Phía Bắc giáp kênh Chín An Định	45	53	45	0.00
		Phía Đông giáp kênh Bờ Bao, kênh Lâm Cal, kênh Đội 3, kênh Đường Cung. Phía Tây giáp rạch Bung Tiết, phía Nam giáp rạch Na Tung. Bắc: Giáp kênh bà Lèo.	45	53	45	0.00
1.3	VT3	Phía Đông giáp kênh Trại Cá Giồng, phía Tây giáp kênh Phú Tâm, phía Nam giáp rạch An Nghiệp, phía Bắc giáp kênh số 1	40	43	40	0.00
		Phía Đông giáp kênh Nôi, phía Tây giáp rạch Bờ Bao, phía Nam giáp rạch Na Tung, phía Bắc giáp kênh Chín An Định	40	43	40	0.00
<b>2</b>	<b>KV3</b>	<b>Xã Kế Thành</b>				
2.1	VT2	Phía Đông giáp Rạch Bung Túc, phía Tây giáp Rạch Hai Giáp, phía Nam giáp sông Kinh Giữa, phía Bắc giáp kênh 9 Quang, Kinh Rạch Bân	45	20.2	45	0.00
		Phía Đông giáp Rạch Ba Lãng, thị trấn Kế Sách. Phía Tây giáp Rạch Cầu Chùa, xã Kế An. Phía Nam giáp Rạch Bô Đê, phía Bắc giáp sông Kinh Giữa	45	20.2	45	0.00



2.2	VT4	Phía Đông giáp Rạch Ba Lãng, Thị Trấn Kế Sách. Phía Tây giáp rạch Cầu Chùa, xã Kế An. Phía Nam giáp xã Phú Tâm, phía Bắc giáp Rạch Bò Đê.	35	16	35	0.00
		Phía Đông giáp xã Thới An Hội. phía Tây giáp xã Kế An. phía Nam giáp Kênh 9 Quang. phía Bắc giáp ranh xã Trinh Phú	35	16	35	0.00
<b>3</b>	<b>KV3</b>	<b>Xã Kế An</b>				
3.1	VT2	Đất cây lâu năm trên địa bàn xã	35	27.6	45	28.57
<b>4</b>	<b>KV3</b>	<b>Xã Trinh Phú</b>				
4.1	VT1	Phía Đông giáp xã An Lạc Tây. Phía Tây giáp kênh Tư Liễu, rạch ThaLa. Phía Nam giáp sông Rạch Vọp, xã Thới An Hội. Phía Bắc giáp kênh Cái Trâm, xã An Lạc Thôn.	45	67.7	50	11.11
4.2	VT2	Phía Đông giáp kênh Tư Liễu, rạch ThaLa. Phía Tây giáp rạch Ngã Cũ, kênh Thông Cự. Phía Nam giáp xã Kế An. Phía Bắc giáp kênh Cái Trâm, xã An Lạc Thôn.	35	72	45	28.57
4.3	VT3	Phía Đông giáp rạch Ngã Cũ. Phía Tây giáp rạch Phong Thọ, xã Ba Trinh, phía Nam giáp kênh kênh Đào ấp 12. Phía Bắc giáp kênh Cái Trâm, xã Xuân Hoà	30	72	40	33.33
<b>5</b>	<b>KV3</b>	<b>Xã Xuân Hoà</b>				
5.1	VT1	Phía Đông giáp rạch Mương Khai, Bờ Dọc. Phía Tây giáp tỉnh Hậu Giang. Phía Nam giáp Ngã tư trên, rạch Giồng Đá. Phía Bắc giáp xã Phú Hữu (huyện Châu Thành) và xã An Lạc Thôn	45	87	50	11.11
		Phía Đông giáp rạch Giồng Đá, Rạch Năm Riêng, rạch Mười Trọng, rạch Sao sáo, kênh Năm Lò đường, kênh thủy lợi. Phía Tây giáp kênh Cái Côn. Phía Nam giáp xã Ba Trinh. Phía Bắc giáp rạch Giồng Đá.	45	87	50	11.11
5.2	VT2	Phía Đông giáp xã An Lạc Thôn, rạch Hào Bá. Phía Tây giáp rạch Mương Khai, Giồng Đá, Rạch Năm Riêng, rạch Mười Trọng. Phía Nam giáp kênh thủy lợi, rạch Cái Cao. Phía Bắc giáp xã An Lạc Thôn.	35	64.6	45	28.57

5.3	VT3	Vị trí còn lại	35	64.6	40	14.29
<b>6</b>	<b>KV3</b>	<b>Xã An Lạc Thôn</b>				
6.1	VT1	Đông: Giáp sông Hậu. Tây: Giáp xã Xuân Hòa. Nam: Giáp rạch Mương Khai. Bắc: Giáp cầu Rạch Bàn (Tỉnh lộ 932B)	45	94.75	50	11.11
		Đông: Giáp sông Hậu. Tây: Giáp xã Xuân Hòa. Nam: Giáp rạch Cái Cao. Bắc: Giáp rạch Mương Khai		94.75	50	
		Đông: Giáp sông Hậu. Tây: Giáp kênh Giữa, cầu Ba Trường, rạch Cái Cao. Nam: Giáp rạch Cái Trâm. Bắc: Giáp rạch Cái Cao		94.75	50	
		Đông: Giáp sông Hậu. Tây: Giáp kênh 5 Chấm. Nam: Giáp rạch Phèn Đen. Bắc: Giáp rạch Cái Trâm		94.75	50	
		Đông: Giáp kênh Giữa. Tây: Giáp kênh Mương Lộ. Nam: Giáp rạch Cái Trâm. Bắc: Giáp kênh giữa, cầu Ba Trường	45	94.75	50	11.11
		Đông: Giáp rạch 5 Chấm. Tây: Giáp kênh Mương Lộ. Nam: Giáp kênh Thủy Lợi (Phèn Đen). Bắc: Giáp rạch Cái Trâm		94.75	50	
6.2	VT2	Vị trí còn lại	35	65.5	45	28.57
<b>7</b>	<b>KV3</b>	<b>Xã Phong Nẫm</b>				
7.1	VT1	Toàn bộ diện tích đất trồng cây lâu năm trong xã	45	77.8	50	11.11
<b>8</b>	<b>KV3</b>	<b>Xã An Mỹ</b>				
8.1	VT3	Phía Đông giáp ranh huyện Long Phú. Phía Tây giáp rạch Phụng An. Phía Bắc giáp xã Song Phụng. Phía Nam giáp rạch Phụng An.	45	38	40	-11.11
		Phía Đông giáp rạch Phụng An. Phía Tây giáp kênh Trại giống. Phía Nam giáp rạch An Nghiệp. Phía Bắc giáp kênh Số 1.	45	38	40	-11.11
8.2	VT4	Phía Đông giáp rạch Phụng An. Phía Tây giáp Kinh Phú Tâm. Phía Nam giáp kênh rạch Cà Bá, huyện Châu Thành, huyện Long Phú. Phía Bắc giáp rạch An Nghiệp, thị trấn Kế Sách.	35	36.2	35	0.00
<b>9</b>	<b>KV3</b>	<b>Xã Đại Hải</b>				

9.1	VT3	Phía Đông giáp xã Kế An, kênh Bảy Xê, kênh 25, kênh Năm Tời, kênh Hai Năm, kênh Cống 1. Phía Tây giáp kênh ranh Thị xã Ngã Bảy, kênh Sóc Trăng, kênh Tây. Phía Nam giáp xã Hồ Đắc Kiện. Phía Bắc giáp sông Số 1.	45	38	40	-11.11
		Phía Đông giáp xã Kế An. Phía Tây giáp tỉnh Hậu Giang. Phía Nam giáp kênh số 1. Phía Bắc giáp kênh Ba Hoàng, xã Ba Trinh.	45	38	40	-11.11
9.2	VT4	Phía Đông giáp xã Kế An. Phía Tây giáp xã Ba Trinh. Phía Nam giáp kênh Ba Hoàng. Phía Bắc giáp xã Ba Trinh.	35	36.2	35	0.00
		Phía Đông giáp kênh Mô Neo, xã Kế An. Phía Tây giáp kênh Năm Tời, kênh Hai Năm, kênh Cống 1. Phía Nam Giáp huyện Châu Thành. Phía Bắc giáp kênh số 25, kênh 7 Xê.	35	36.2	35	0.00
		Phía Đông giáp kênh Tây. Phía Tây giáp tỉnh Hậu Giang. Phía Nam giáp huyện Châu Thành. Phía Bắc Giáp kênh Sóc Trăng.	35	36.2	35	0.00
<b>10</b>	<b>KV3</b>	<b>Xã Ba Trinh</b>				
10.1	VT2	Phía Đông giáp kênh Hai Thủy, Sáu Cụt, Sáu Phước, Hai Thanh, Hai Niềm, Năm Quảng, Phong Thọ. Phía Tây giáp kênh Cái Côn. Phía Nam giáp sông Rạch Vọp. Phía Bắc giáp kênh Cái Trâm, đập Hà Văn Tèo, ranh xã Xuân Hòa.	45	64.5	45	0.00
		Phía Đông giáp Kênh Thôn Cư, xã Trinh Phú. Phía Tây giáp xã Đại Hải. Phía Nam giáp kênh Thủy Lợi, Kênh hai Nghĩa. Phía Bắc giáp sông Rạch Vọp.	45	64.5	45	0.00
		Phía Đông giáp rạch Thành Văn Buól. Phía Tây giáp rạch đường Trâu. Phía Bắc giáp kênh ranh ấp 8 - ấp 12. Phía Nam giáp sông Rạch Vọp.	45	64.5	45	0.00
10.2	VT3	Phía Đông giáp kênh Tiểu, xã Xuân Hòa. Phía Tây giáp đập Hà Văn Tèo. Phía Nam giáp kênh Cái Trâm. Phía Bắc giáp ranh xã Xuân Hòa.	35	63	40	14.29
		Phía Đông giáp sông Cái Côn. Phía Tây giáp tỉnh Hậu Giang. Phía Nam giáp xã Đại Hải, tỉnh Hậu Giang. Phía Bắc giáp xã Xuân Hòa.	35	63	40	14.29

		Phía Đông giáp kênh Đường Trâu. Phía Tây giáp kênh Hai Thủy, Sáu Phước, Sáu Cụt. Phía Nam giáp kênh Rạch Vọp. Phía Bắc giáp kênh Hai Thanh.	35	63	40	14.29
		Phía Đông giáp kênh Phong Thọ, xã Trinh Phú. Phía Tây giáp rạch Đường Trâu, rạch Thành Văn Buôn. Phía Nam giáp sông Rạch Vọp. Phía Bắc giáp kênh Hai Niềm, kênh Năm Quảng.	35	63	40	14.29
		Phía Đông giáp Kênh Thông Cư. Phía Tây giáp kênh Miếu. Phía Nam giáp xã Đại Hải, xã Kế An. Phía Bắc giáp kênh Hai Nghĩa, kênh Thủy Lợi	35	63	40	14.29
<b>11</b>	<b>KV3</b>	<b>Xã An Lạc Tây</b>				
11.1	VT1	Đất cây lâu năm trên địa bàn xã	45	120	50	11.11
<b>12</b>	<b>KV3</b>	<b>Xã Thới An Hội</b>				
12.1	VT2	Phía Đông giáp kênh Thị Hồ, xã An Lạc Tây. Phía Tây giáp rạch Sóc Tổng, xã Trinh Phú. Phía Nam giáp rạch Đại An, rạch Xóm Đồng. Phía Bắc giáp sông Rạch Vọp	45	37.6	45	0.00
12.2	VT3	Phía Đông giáp rạch Mỹ Hội, phía Tây giáp rạch Bung Túc. Phía Nam kênh Cầu Trắng, thị trấn Kế Sách. Phía Bắc giáp rạch Đại An, rạch Xóm Đồng, rạch Sóc Tổng, xã Trinh Phú	35	45.7	40	14.29
<b>13</b>	<b>KV3</b>	<b>Xã Nhơn Mỹ</b>				
		Phía Đông giáp sông Hậu, phía Tây giáp rạch Tiểu La Thành, rạch Mương Khai, kênh Khả. Phía Nam giáp rạch Mọp, phía Bắc giáp kênh Giữa	45	32.7	50	11.11
13.1	VT1	Phía Đông giáp sông Hậu, phía Tây giáp sông Hậu, phía Nam giáp xã Song Phụng, phía Bắc giáp Xã An Lạc Tây	45	32.7	50	11.11
		Phía Đông giáp Sông Hậu, rạch Trà Éch, kênh Giữa, rạch Cây Đông, rạch Mương Siêu. Phía Tây giáp rạch Mỹ Hội, kênh Tắc. Phía Nam giáp kênh số 1. Phía Bắc giáp rạch Chùa Giá, rạch Trà Éch.	45	43.25	50	11.11

13.2	VT2	Phía Đông giáp rạch Đồng Phèn, kênh Tắc. Phía Tây giáp rạch Nhon Mỹ. Phía Nam giáp kênh Số Một. Phía Bắc giáp rạch Nhon Mỹ, xã Thới An Hội.	35	43.25	45	28.57
		Phía Đông giáp Kênh Khả, kênh Tiểu La Thành. Phía Tây giáp rạch Mương Siêu, rạch Cây Đông. Phía Nam giáp kênh Số Một. Phía Bắc kênh Giữa.	35	43.25	45	28.57

### 3/ Đất nuôi trồng thủy sản:

Đơn vị tính: 1000 đồng/m<sup>2</sup>

STT	Khu vực, vị trí	Ranh giới, vị trí	Giá đất tại QĐ 47/2009	Giá đất điều tra năm 2010	Giá đất đề xuất năm 2011	Mức tăng, giảm (%)
<b>1</b>	<b>KV3</b>	<b>Xã An Lạc Tây</b>				
1.1	VT1	Đất nuôi trồng thủy sản trên địa bàn xã	35	80	50	42.86
<b>2</b>	<b>KV3</b>	<b>Xã Phong Năm</b>				
2.1	VT1	Toàn bộ diện tích đất nuôi trồng thủy sản trong xã	35	67	50	42.86
<b>3</b>	<b>KV3</b>	<b>Xã Nhon Mỹ</b>				
3.1	VT1	Toàn bộ diện tích đất nuôi trồng thủy sản trong xã	35		50	42.86

### PHỤ LỤC 4: BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI HUYỆN KẾ SÁCH

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2010/QĐ-UBND, ngày / 12 /2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Đơn vị tính:  
1000 đồng/m<sup>2</sup>

STT	Tên đường	Khu vực, vị	Đoạn đường	Giá đất năm 2011
-----	-----------	-------------	------------	------------------

		trí	Từ	Đến	
<b>I</b>	<b>Thị trấn Kế Sách</b>				
1	Đường 30/4 (trên đất liền)	1	Hết đất nhà thầy Lén	Cầu sắt	4,200
2	Đường Ung Công Uẩn	1	Đầu cầu An Mỹ	Ngã tư Ung Công Uẩn	2,800
		2	Ngã Tư Ung Công Uẩn	Giáp Huyện lộ 2	700
3	Đường Phan Văn Hùng	1	Ngã tư Ung Công Uẩn (phần đất liền)	Cầu sắt Kế Sách	1,800
		2	Giáp Đường Tỉnh 932 (phần đất liền)	Ngã tư Ung Công Uẩn	1,300
		3	Hết đất nhà Chín Hòa (Phía bên kênh Dân Quân)	Cầu sắt Kế Sách	1,200
		4	Hết đất Nhà tiệc Thanh Tâm (Phía bên kênh Dân quân)	Ngã tư Ung Công Uẩn	800
		4	Cầu sắt Kế Sách	Cầu Trắng	800
4	Đường Tỉnh 932	1	Giáp đường Phan Văn Hùng	Hết đất Nghĩa trang Huyện	1,200
		2	Hết đất bà Yên (Giáp ranh đất Nghĩa trang Huyện)	Cầu NaTung	600
5	Đường 3/2	1	Suốt đường		2,800
6	Đường Bạch Đằng	1	Suốt đường		1,500
7	Đường Nguyễn Văn Thơ	1	Suốt đường		3,000
8	Đường Lê Văn Lợi	1	Suốt đường		900
9	Đ. Nguyễn Trung Tĩnh	1	Suốt đường		900
10	Hèm 1 (Vũ Hùng - 6 Gầm)	1	Suốt đường		1,500
11	Hèm 2 (Quân Điện tử)	1	Suốt đường		750
12	Hèm 3 (bà Giàu)	1	Suốt đường		600

13	Hèm 4 (Điện lực cũ)	1	Suốt đường		1,200
14	Đường Thiều Văn Chỏi	1	Suốt đường		1,000
15	Đường Lê Lợi	1	Suốt đường		900
16	Đường Huyện 5	1	Cầu An Mỹ	Ngã 3 Bến đò	1,500
		1	Ngã 3 Bến đò	Cổng Mười Mốt	1,000
		2	Cổng Mười Mốt	Cổng Trại cá	600
17	Đường Nguyễn Hoàng Huy	1	Suốt đường		400
18	Đường Huyện 2	1	Giáp đường tỉnh 932 (Phía trên đất liền)	Cổng kênh Nội	350
		2	Giáp đường tỉnh 932 (Phía bên kênh)	Cổng kênh Nội	300
		2	Cầu kênh Nội	Cầu Bưng Tiết (Kế Thành)	300
19	Đường xuống bến đò	1	Bến đò	Giáp Đường Huyện 5	1,000
20	Lô Đal áp An Khương	1	Hết đất ông Nam Công An	Rạch Bưng Túc	250
21	Đường Đal tái định cư Phương Nam	1	Giáp Đường Ung Công Uẩn	Giáp Đường Thiều văn Chỏi	280
22	Đường Vòng cung	1	Hết đất Trường Tiểu Học Kế Sách 1	Cầu Trắng (đất liền)	400
		2	Giáp ranh đất Khu tập thể Trường Tiểu Học Kế Sách 1	Cầu Trắng (bên kênh)	200
23	Hèm Ông Huá	1	Hết đất Bác sĩ Ngoan	Cuối hèm	350
24	Hèm ông Tào Cua	1	Hết đất ông Tào Cua	Cuối hèm	350
25	Đường Đal áp An Ninh 2	1	Cầu rạch bà Tép (giáp ranh ấp An Nghiệp)	Hết đất ông Hai Hải	250
		1	Giáp ranh đất ông Hai Hải	Hết đất ông Ba Thai	250



26	Đường Đal Ấp An Ninh 1	1	Cầu Thanh Niên	Hết ranh đất ông Cẩn	250
27	Đường Đal Ấp An Thành	1	Đường đal nội bộ ấp An Thành (suốt đường)		250
28	Đường Đal Ấp An Phú	1	NaTung	Hết đất Út Hoà	250
29	Đường hẻm An Thành	1	Giáp ranh đất ông Đường (đường Phan Văn Hùng)	Giáp Huyện lộ 2	350
30	Đường đal An Định	3C	Giáp Huyện lộ 2	giáp đường Thiều Văn Chới	
		3C	Giáp Huyện lộ 2	giáp ranh đất ông 5 Muôn	
<b>II Xã Kế Thành</b>					
1	Đường Huyện 2	KV2-VT2	Cầu Bung Tiết	Cầu Kế Thành	350
<b>III Xã Kế An</b>					
1	Đường Huyện 2	KV2-VT2	Cầu số 1	Cầu Kế Thành	350
<b>IV Xã Trinh Phú</b>					
1	Đường Huyện 3	KV2-VT2	Suốt đường		400
2	Đường Tỉnh 932	KV2-VT2	Suốt đường		400
<b>V Xã Xuân Hòa</b>					
1	Đường Tỉnh 932B	KV2-VT3	Suốt đường		150
<b>VI Xã An Lạc Thôn</b>					
1	Đường chính	1	Cầu Công An	Hết ranh đất bà Bé Bảy	3,500
2	Đường chợ chính	1	Cầu Công An	Hết ranh đất Hoàng Ba	2,500
		2	Hết đất ông Dur (nước đá)	Hết đất Chùa Bà	2,000
		2	Hết đất ông Sánh	Hết đất ông Tư Minh	2,000

		3	Hết đất Tiệm vàng Hồng Nguyên	Ngã 4 Quốc lộ 91C	1,200
		4	Hết đất bà Bảy Lành (giáp ranh Chùa Bà)	Cầu Kênh Đào	1,000
3	Đường Tinh 932B	1	Ngã 4 Quốc lộ 91C	Cầu Rạch Bần	500
4	Đường bờ sông	1	Cầu Cái Côn	Ngã 3 Tám Khai	900
5	Đường vô phân viện	1	Hết đất ông Quốc Lương	Giáp lộ (Hồng Nguyên - Ngã Tư Quốc lộ 91C)	1,000
6	Quốc lộ 91C (đất ODT)	1	Ngã 4 Quốc Lộ 91C	Mương Khai (phía bên lộ)	1,000
		2	Ngã 4 Quốc Lộ 91C	Mương Khai (phía bên kênh)	800
7	Các con đường còn lại trong khu vực chợ (ấp An Ninh 2)	1	Suốt tuyến		600
8	Quốc lộ 91C (ONT)	KV1- VT3	Mương Khai	Phèn Đen	600
<b>VII</b>	<b>Xã Phong Năm</b>				
1	Khu vực xã	KV2- VT3	Hết đất Trụ sở UBND xã	Tổ Điện lực	250
		KV2- VT3	Giáp ranh đất Trụ sở UBND xã	Hết ranh đất 4 Suôi	250
		KV2- VT3	Hết đất Trường Tiểu Học	Cầu Bà Xe	250
2	Đường nhựa	KV2- VT3	Giáp ranh đất Tổ Điện lực	Bến phà 7 Hậu	200
<b>VIII</b>	<b>Xã An Mỹ</b>				
1	Khu vực chợ	KV2- VT2	Hết đất Trụ sở UBND xã	Cổng Ba Công	350
		KV2- VT3	Cổng Ba Công	Cầu Đình	250
2	Đường huyện 5	KV2- VT3	Cổng Trại Cá	Cầu Hai Lép	150
		KV2- VT3	Cầu Hai Lép	Cầu Đình	250
		KV2- VT3	Cầu Đình	Giáp ranh xã Hậu Thạnh	250
<b>IX</b>	<b>Xã Đại Hải</b>				

1	Chợ Mang cá	KV1- VT3	Hết đất Trụ sở UBND xã	Hết đất Chùa Cao Đài Phụng Thiên	600
		KV2- VT2	Giáp ranh đất Chùa Cao Đài Phụng Thiên	Voi Ba đen	350
2	Đường Huyện 3	KV2- VT2	Cầu Mang cá 2	Giáp ranh xã Ba Trinh	350
3	Đường Tỉnh 932B	KV2- VT1	Cầu Mang cá 1	Hết đất ông hai Đực (về hướng Quốc lộ 1)	550
		KV2- VT2	Giáp ranh đất ông Hai Đực	Cống Vũ Đào	350
		KV1- VT1	Cống Vũ Đào	Cầu Ba Rinh	1,000
4	Đường Huyện 2	KV2- VT2	Giáp ranh đất UBND xã	Hết đất Chùa Cao Đài Ngọc Tiên An	350
		KV2- VT2	Giáp ranh đất Chùa Cao Đài Ngọc Tiên An	Cầu Ké An	400
5	Đường Đal Vườn cò	KV2- VT3	Cầu Ké An hướng về vườn cò	Hết đất ông Chính	250
6	Khu vực chợ Cổng Đồi	KV1- VT3	Hết đất đất ông Thường (hướng cầu kênh Ngọc Lý )	Hết ranh đất ông Đắc	600
7	Quốc lộ 1A	KV1- VT1	Cầu Ba Rinh	Cống 7 Nhờ	1,200
		KV1- VT1	Cống 7 Nhờ	Cống 1 Đông Hải	1,000
		KV1- VT1	Cống 1	Ranh xã Hồ Đắc Kiện	1,200
		KV1- VT2	Cầu Ba Rinh	Ranh thị xã Ngã Bảy	800
8	Đường Mang Cá-Đại Thành	KV2- VT2	Cầu Mang Cá - Đại Thành (giáp ranh đường tỉnh 932B)	Giáp ranh xã Đại Thành	350
9	Khu Tái định cư	KV1- VT2	Suốt tuyến		800
<b>X</b>	<b>Xã Ba Trinh</b>				
1	Khu vực trung tâm xã	KV2- VT2	Cầu Đường Trâu	Hết ranh đất ông Nguyễn Thành Công	400
		KV2- VT2	Giáp ranh đất nhà ông Nguyễn Thành Công	Rạch ông Thành Văn Buól	300
		KV2- VT2	Đài Tường Niệm	Cầu Sông Rạch Vọt	350

		KV2- VT2	Đường đal Cầu Sông Rạch Vọng đi Trạm Y tế	Giáp ranh Đài Tưởng Niệm	400
2	Đường huyện 3	KV2- VT2	Suốt đường		350
3	Đường Tỉnh 932B	KV2- VT3	Giáp ranh xã Đại Hải	Giáp ranh Xã Xuân Hòa	150
<b>XI</b>	<b>Xã Thới An Hội</b>				
1	Chợ Cầu Lộ	Đ B	Dãy A,B,C từ nhà ông Phạm Văn Tho	Hết đất ông Nguyễn Văn Hùm - Nguyễn Văn Vem - Nguyễn Thanh Tâm	2,000
2	Đường Huyện 3	KV1- VT1	Hết đất Trụ sở UBND xã	Cầu 8 Chanh	1,750
		KV1- VT2	Cầu 8 Chanh	Cầu Xóm Đồng	800
		KV1- VT3	Cầu Xóm Đồng	Giáp ranh xã Trinh Phú	600
		KV1- VT3	Cầu Thới An Hội	Cầu Vàm mương	600
		KV2- VT2	Cầu Vàm mương	Giáp ranh xã An Lạc Tây	350
3	Đường vòng cung Trường mẫu giáo	KV1- VT1	Giáp Tỉnh lộ 932	Giáp Huyện lộ 3	1,200
4	Đường tỉnh lộ 932	KV1- VT1	Ngã 3 UBND xã	Cầu 2 Vọng	1,000
		KV2- VT2	Cầu 2 Vọng	Cầu 10 xén	400
		KV2- VT2	Cầu 10 xén	Cầu Chệt Tịnh	300
		KV2- VT1	Cầu Chệt Tịnh	Giáp TT Kế Sách	550
5	Đường huyện 1	KV2- VT1	Suốt tuyến		500
6	Khu vực chợ cũ	KV2- VT3	Cầu đối diện UBND xã	Hết ranh đất Nhà Thờ Tin Lành	250
7	Đường đal Cầu Trắng	KV2- VT3	Cầu Trắng	Hết đất ông Sum	150
<b>XII</b>	<b>Xã An Lạc Tây</b>				
1	Chợ An Lạc Tây	KV1- VT1	Hết đất bà Chi	Hết ranh đất ông Đại	1,000
		KV1- VT1	Giáp ranh đất ông Đại	Giáp Quốc lộ 91C (đường Cầu Sáu Ú)	1,000

2	Đường huyện 3	KV1- VT2	Giáp ranh đất Nhà bà Chi	Ngã 4 Quốc lộ 91C	750
		KV2- VT1	Ngã 4 Quốc lộ 91C	Cầu Thị Hồ (giáp xã Thới An Hội)	500
3	Đường đal chợ Trà Éch	KV2- VT3	Cầu Trà Éch	Hết ranh đất nhà ông Hoài	150
3	Quốc lộ 91C	KV2- VT1	Cầu Trà Éch	Cống Hai Liềm	500
		KV1- VT2	Cống Hai Liềm	Cầu Rạch Vọp	700
		KV2- VT1	Cầu Rạch Vọp	Cầu Phèn Đen	500
<b>XIII</b>	<b>Xã Nhơn Mỹ</b>				
1	Khu vực chợ	KV1- VT1	Hết đất Bưu điện UBND xã cũ	Hết ranh đất chùa Hiệp Châu	1,000
		KV1- VT2	Giáp ranh đất Chùa Hiệp Châu	Cầu tàu	750
		KV1- VT2	Cầu tàu	Giáp Quốc lộ 91C	700
2	Đường xuống bến phà	KV1- VT2	Giáp Quốc lộ 91C	Ngã 4 Bến phà	800
		KV1- VT2	Ngã 4 bến phà	Bến phà	700
		KV1- VT2	Cầu tàu	Ngã tư bến phà	800
3	Quốc lộ 91C	KV1- VT2	Cầu Rạch Mọp	Cầu Mương Khai	700
		KV1- VT3	Cầu Mương Khai	Cống 5 Khù	600
		KV1- VT2	Cống 5 Khù	Kênh Tám Mấy	700
4	Đường huyện 1	KV2- VT1	Ngã 4 Huyện lộ 1 (giáp Quốc lộ 91C)	Cầu Trâm Bàu	500
		KV2- VT2	Cầu Trâm Bàu	Cầu Mỹ Hội	400